**THOUSAND LIVES**

### CHƯƠNG 11: QUÂN SƯ ẨN DANH

*Lần này, giọng kể của River mang một sức nặng khác lạ, như thể đang lần giở lại một cuộn tranh cổ. Nửa đầu của cuộn tranh là khói lửa, là nỗi đau và sự căm hận của một lời thề khắc bằng máu. Nửa sau lại là mây khói thiền môn, là sự tĩnh tại và trí huệ của một bậc chân tu. Cậu bé sắp kể một câu chuyện về cách một mối ác duyên được thiện giải theo một cách kỳ diệu nhất.)*

Ký ức lần này đưa tôi về một mối duyên nợ. Một mối nợ được viết bằng máu và nước mắt, khởi nguồn từ một kiếp sống trước cả khi linh hồn tôi đến với mảnh đất Việt Nam của thế kỷ 13, khi quốc gia này còn mang tên Đại Việt. Để hiểu được câu chuyện của vị thiền sư ẩn tu, có lẽ chúng ta phải bắt đầu từ nỗi đau của một người đàn ông bình thường, một người chồng, một người cha tên là Lý Cương.

Chuyện xảy ra vào cuối thời Nam Tống, một triều đại đang trong những ngày tháng hấp hối. Bầu không khí bất an bao trùm khắp nơi. Nhưng ở một ngôi làng nhỏ nơi biên thùy phía Bắc, giáp với nước Kim, cuộc sống của Lý Cương vẫn trôi đi trong sự bình yên tương đối. Ông không phải quan lại, cũng chẳng phải tướng lĩnh. Ông chỉ là một người thợ mộc bình thường, bàn tay thô ráp chai sần vì cầm đục, cầm bào mỗi ngày. Niềm vui lớn nhất và cũng là cả thế giới của ông nằm trọn trong mái nhà tranh đơn sơ: người vợ hiền tần tảo và hai đứa con, một trai một gái, đang tuổi ăn tuổi lớn.

Tôi vẫn nhớ cảm giác của Lý Cương khi đó, một cảm giác hạnh phúc mộc mạc và vững chãi. Hạnh phúc là khi đi làm về, từ xa đã nghe thấy tiếng cười giòn tan của con trẻ. Hạnh phúc là được nhìn thấy bóng dáng vợ mình đang lúi húi bên bếp lửa, khói lam chiều quyện vào mùi cơm mới thơm nồng. Hạnh phúc là bữa cơm tối đạm bạc nhưng ấm cúng, cả nhà quây quần bên chiếc bàn gỗ do chính tay ông đóng, kể cho nhau nghe những chuyện không đầu không cuối. Đối với Lý Cương, như vậy là đủ. Ông chẳng mong gì hơn ngoài việc những ngày tháng bình dị này cứ thế kéo dài mãi.

Nhưng sự bình yên ở chốn biên thùy vốn dĩ rất mong manh. Tin đồn về vó ngựa Mông Cổ đã bắt đầu lan đến. Người ta kể rằng đội quân đó như một cơn lũ quét, đi đến đâu là cỏ cây cũng không mọc nổi. Họ đã bắt đầu chiến dịch xâm chiếm nước Kim, và những ngôi làng ở vùng giáp ranh như làng của Lý Cương bắt đầu cảm nhận được hơi thở của chiến tranh. Thỉnh thoảng, những toán quân nhỏ lại đi qua, cướp bóc lương thực, gây ra những vụ ẩu đả. Sự lo lắng bắt đầu len lỏi vào từng nếp nhà, nhưng người dân vẫn bám víu vào một hy vọng mỏng manh rằng tai họa rồi sẽ qua đi.

Vào một buổi sáng mùa thu, Lý Cương nhận lời sang một thôn bên cạnh, cách nhà chừng hai mươi cây số, để giúp người ta dựng lại một mái nhà. Công việc chỉ mất một ngày. Trước khi đi, ông còn xoa đầu hai đứa con, hứa sẽ về trước khi trời tối. Ông nhìn vợ, bà mỉm cười hiền hậu, đưa cho ông túi cơm nắm. Đó là lần cuối cùng ông nhìn thấy họ còn sống.

Đang giữa buổi làm việc, ông bỗng nghe tiếng la hét thất thanh từ phía con đường chính. Một đám người hoảng loạn, quần áo xộc xệch, chạy về phía thôn, vừa chạy vừa gào lên: "Quân Mông Cổ! Quân Mông Cổ tràn qua cướp bóc! Chúng đang tàn sát các làng ở ven sông!"

Tim Lý Cương như ngừng đập. Làng của ông nằm ngay ven sông.

Không nghĩ được gì nữa, Lý Cương vứt vội bộ đồ nghề, lao đến con ngựa buộc ở gốc cây, nhảy lên và thúc nó phi nước đại về nhà. Con đường quen thuộc giờ đây dài như vô tận. Gió rít bên tai, nhưng ông chỉ nghe thấy tiếng tim mình đập như muốn vỡ tung trong lồng ngực. Mỗi tiếng vó ngựa dồn dập gõ xuống mặt đất là một lời cầu nguyện tuyệt vọng của ông, cầu cho mình về kịp, cầu cho gia đình được bình an. Ông quất ngựa không thương tiếc, chỉ mong có thể bay về nhà ngay lập tức.

Khi còn cách làng vài dặm, một mùi khói khét lẹt đã xộc vào mũi ông. Tim ông chùng xuống. Ông nhìn thấy những cột khói đen kịt bốc lên từ phía làng mình. Một sự im lặng chết chóc bao trùm. Không có tiếng người, không có tiếng gia súc. Chỉ có tiếng gió thổi qua những mái nhà tranh đang cháy dở.

Lý Cương nhảy khỏi ngựa khi nó còn chưa dừng hẳn, loạng choạng chạy về phía nhà mình. Cánh cửa gỗ bị chém nát, văng ra một góc. Ông lao vào trong, gào lên tên vợ, tên con. Nhưng đáp lại ông chỉ có sự im lặng rợn người.

Và rồi ông nhìn thấy họ. Cảnh tượng trước mắt khiến trời đất quanh ông sụp đổ. Mọi thứ trong nhà bị đập phá, lật tung. Và trên nền đất lạnh lẽo, giữa những mảnh vỡ của bát đĩa, của đồ đạc, là ba thân thể quen thuộc. Vợ ông... và hai đứa con bé bỏng của ông... Chúng nằm đó, bất động, trên người còn vương những vết máu đã khô lại. Đôi mắt họ mở to, vẫn còn hằn lên nỗi kinh hoàng tột độ.

Ông đã về quá muộn.

Lý Cương không khóc. Nước mắt đã chết khô cùng với trái tim ông. Ông quỳ sụp xuống, đôi tay run rẩy chạm vào gương mặt lạnh ngắt của vợ, rồi đến hai đứa con. Sự ấm áp mà ông từng ôm ấp giờ đây đã biến thành một sự giá băng đến rợn người. Thế giới của ông, tất cả những gì ông yêu thương, tất cả lý do để ông tồn tại, đã bị hủy diệt trong chớp mắt. Nỗi đau, sự bất lực, sự dằn vặt vì đã không thể về kịp, tất cả hòa quyện lại, biến thành một ngọn lửa căm hận bùng lên, dữ dội và đen tối.

Ông ngồi đó, giữa cảnh tan hoang, ôm lấy những thi thể lạnh lẽo cho đến khi trời tối mịt. Trong đầu ông chỉ còn lại một ý nghĩ duy nhất, một mục đích duy nhất: báo thù. Ông không còn là Lý Cương, người thợ mộc hiền lành nữa. Kể từ giây phút đó, ông đã chết. Thứ còn sống chỉ là một cỗ máy được vận hành bởi lòng căm thù.

Sau khi chôn cất vợ con, Lý Cương không còn gì để mất. Ông nghe tin một trận chiến ác liệt đang diễn ra cách đó không xa, nơi quân Kim đang cố gắng chống trả một đợt tấn công của quân Mông Cổ. Không một chút do dự, ông gói ghém vài vật dụng đơn sơ, cầm theo chiếc rìu đốn củi và lên đường. Ông không tìm đến quân đội Nam Tống. Nỗi hận của ông không phân biệt quốc gia, nó chỉ nhắm vào một kẻ thù duy nhất.

Khi đến chiến trường, ông thấy một cảnh tượng hỗn loạn. Quân Kim đang cố gắng giữ vững phòng tuyến trước sức tấn công vũ bão của kỵ binh Mông Cổ, những người được trang bị tốt và dày dạn kinh nghiệm.

Không chờ một mệnh lệnh, không cần một chiến thuật nào cả, Lý Cương gầm lên một tiếng không thành lời, một tiếng thét chứa đựng tất cả nỗi đau và căm hận của một người đã mất hết tất cả. Ông không còn nhìn thấy quân địch hay chiến trường, ông chỉ thấy những bóng ma đã cướp đi gia đình mình. Lao vào đội hình thiện chiến của quân Mông Cổ với chiếc rìu trên tay, ông giống như một con thú bị thương đang điên cuồng tấn công kẻ săn mồi.

Nhưng cuồng nộ không thể thay thế cho kinh nghiệm, và lòng căm thù không thể đỡ được những lưỡi đao sắc bén. Những người lính Mông Cổ lạnh lùng xiên qua người ông bằng những ngọn giáo dài. Ông gần như không cảm thấy đau đớn thể xác, vì nỗi đau trong tâm hồn đã quá lớn. Ông ngã xuống, máu tuôn xối xả, ngay trong trận chiến đầu tiên và cũng là cuối cùng của mình.

Trong những giây phút cuối cùng, khi hơi thở dần yếu đi, hình ảnh vợ con lại hiện về rõ mồn một. Nỗi đau và lòng căm hận không hề thuyên giảm, ngược lại, nó càng bùng cháy dữ dội hơn. Lý Cương ngước đôi mắt mờ đi vì máu nhìn lên bầu trời xám xịt, rồi nhìn vào những gương mặt xa lạ của kẻ thù đang vây quanh. Bằng tất cả sức lực còn lại, ông thốt lên một lời thề từ tận đáy linh hồn, một lời thề vang vọng, khắc sâu vào bản thể của mình:

Nếu có kiếp sau, ta nhất định sẽ tìm các ngươi, báo thù rửa hận cho vợ con ta!

Đó là ý niệm cuối cùng của ông trước khi chìm vào bóng tối. Lời thề đó, nặng trĩu oán hận, đã trở thành một dấu ấn không thể phai mờ, một món nợ nhân quả theo linh hồn ông đi vào vòng luân chuyển, chờ đợi một ngày được thanh toán.

Và chính món nợ đó đã được Thiên Thượng an bài để giải quyết theo một cách không ai ngờ tới, trên một mảnh đất khác, trong một thân phận khác, khi linh hồn của Lý Cương chuyển sinh vào nhà Trần của nước Đại Việt.

**Chuyển Sinh Đại Việt – Nhà Sư Ẩn Chứa Binh Thư**

Linh hồn của Lý Cương, mang theo lời thề oán hận nặng trĩu, đã chìm vào vòng luân chuyển. Nhưng thay vì bị đọa vào những cảnh giới tối tăm vì tâm niệm sân hận, dường như có một sự an bài từ bi nào đó đã can thiệp. Món nợ phải được trả, nhưng không phải bằng con đường chìm đắm thêm trong nghiệp sát. Linh hồn đó đã được dẫn dắt đến một khởi đầu mới, tại một vùng đất đang trong thời kỳ hưng thịnh, nơi Phật Pháp được tôn sùng – nước Đại Việt của triều đại nhà Trần.

Tôi được sinh ra trong một gia đình thường dân, nhưng từ nhỏ đã có những biểu hiện khác lạ. Trong khi bạn bè cùng trang lứa thích nô đùa, tôi lại thường ngồi một mình hàng giờ, lặng lẽ nhìn mây bay trên trời, hay quan sát đàn kiến tha mồi về tổ. Tôi có một sự đồng cảm kỳ lạ với vạn vật và một nỗi trăn trở mơ hồ về sự khổ đau của sinh mệnh mà chính tôi cũng không giải thích được.

Một ngày nọ, khi tôi đang ngồi dưới một gốc cây, chăm chú nhìn một bông hoa sắp tàn, có một vị thiền sư lớn tuổi đi khất thực qua làng. Ánh mắt của ngài dừng lại nơi tôi. Ngài không nói gì, chỉ lặng lẽ quan sát một lúc lâu, rồi mỉm cười. Sau đó, ngài tìm đến cha mẹ tôi và nói: "Thí chủ có một người con trai với tâm tính thật đặc biệt. Thằng bé có một sự tĩnh tại và lòng trắc ẩn hiếm có. Đây là một hạt giống thiện lành, nếu được gieo trồng đúng nơi, tương lai sẽ là một cây đại thụ che mát cho nhiều người."

Ngừng một lát, vị thiền sư lại nói tiếp: "Bần tăng là trụ trì ngôi chùa nhỏ trên ngọn đồi phía cuối làng. Nếu hai vị thí chủ không phiền, hãy thử cho cháu lên chùa làm một chú tiểu, để cháu được gần gũi kinh kệ, nuôi dưỡng cái tâm thiện lành đó. Có lẽ, đó chính là con đường của cháu."

Cha mẹ tôi, vốn cũng là người tin vào nhân duyên, nghe lời thiền sư nói vậy thì vô cùng cảm động và kính cẩn đồng ý. Và thế là, năm lên mười tuổi, tôi từ biệt gia đình, theo chân vị thiền sư đó lên chùa. Ngài chính là Sư phụ đầu tiên của tôi, người đã ban cho tôi pháp danh Minh Tĩnh.

Những năm đầu ở chùa, tôi chủ yếu học các quy tắc của thiền môn, học thuộc kinh kệ và tập tọa thiền. Tâm trí non nớt của tôi khi đó chưa thể hiểu hết những giáo lý cao siêu, nhưng tôi có một sự tĩnh tại bẩm sinh và khả năng tập trung hơn hẳn những chú tiểu khác. Sư phụ nhận ra điều đó, ngài không vội vàng giải thích cho tôi những triết lý phức tạp. Thay vào đó, ngài kiên nhẫn dùng những công việc hàng ngày như quét lá, gánh nước để mài giũa tâm tính và gieo vào lòng tôi những hạt mầm Phật Pháp đầu tiên.

Bước sang tuổi mười ba, khi tâm trí bắt đầu trổ cành, vươn lá, những hạt mầm đó mới thực sự phát triển. Tôi không còn chỉ thuộc kinh mà bắt đầu trăn trở về ý nghĩa của chúng. Nỗi khổ của chúng sinh, vòng luân hồi sinh tử, những điều Sư phụ giảng bỗng trở nên sống động, thôi thúc trong tôi một sự khao khát tìm hiểu sâu xa hơn.

Chính trong giai đoạn này, từ khoảng mười ba đến mười sáu tuổi, tàng kinh các của chùa đã trở thành thế giới của tôi. Sư phụ thấy tôi đã đủ sự chín chắn, bèn cho phép tôi tự do đọc những sách khác ngoài kinh Phật. Ban đầu, tôi tìm đến các sách của Nho gia và Đạo gia để mong hiểu thêm về đạo lý vận hành của xã hội, của trời đất.

Và rồi, một cách rất tự nhiên, tôi bị thu hút bởi những ghi chép lịch sử, những câu chuyện về sự hưng vong của các triều đại. Đọc về những cuộc chiến, tôi không thấy sự hào hứng của kẻ hiếu chiến, mà lại cảm nhận một nỗi xót xa sâu sắc. Dường như có một điều gì đó trong huyết quản, một ký ức vô hình, khiến tôi đặc biệt nhạy cảm với sự tàn khốc của binh đao. Điều đó đã thôi thúc tôi tìm đọc những cuốn binh thư cổ.

Đối với tôi khi đó, binh pháp không phải là nghệ thuật giết người, mà là nghệ thuật để chấm dứt giết chóc. Tôi nhận ra, chiến tranh không chỉ là gươm đao, mà còn là cuộc đấu của trí tuệ, của lòng người. Tôi thấy được sự tương ứng kỳ diệu giữa đạo lý nhà Phật và binh pháp: một vị tướng giỏi phải có tâm từ bi để không lạm sát, phải có trí tuệ để biết địch biết ta, và phải có sự tĩnh tại để không rối loạn trước biến cố, cũng như một người tu hành vậy.

Sự kết hợp giữa trí tuệ Phật Pháp, sự uyên thâm của Nho-Đạo, và sự am tường về binh pháp một cách tự nhiên đã tạo nên trong tôi một sự thấu hiểu sự đời một cách khác biệt. Các sư huynh đệ trong chùa kính trọng tôi vì sự tinh tấn và kiến thức Phật học, nhưng cũng có phần thấy tôi hơi khó hiểu, khi một nhà sư trẻ tuổi lại có thể dành hàng giờ chỉ để bày một thế cờ vây, lẩm nhẩm về những nước đi như đang tính toán một trận đồ.

Năm tháng trôi qua, tôi được cử làm trụ trì của một ngôi chùa nhỏ, thanh tịnh nằm ở ngoại thành phía Tây kinh thành Thăng Long. Chùa nằm trên một ngọn đồi thấp, ẩn mình giữa những rặng tre xanh mát, là nơi lý tưởng cho những ai muốn tìm một chốn yên tĩnh để gột rửa bụi trần. Tôi khi đó đã bước vào tuổi năm mươi, tâm đã gần như tĩnh lặng như mặt hồ không gợn sóng. Tôi ngỡ rằng phần đời còn lại của mình sẽ cứ thế trôi đi trong sự an nhiên đó.

Nhưng nhân duyên là một điều không thể lường trước.

Vào một buổi chiều mùa hạ, khi tôi đang ngồi thiền dưới gốc bồ đề trong sân chùa, một vị khách trẻ tuổi ghé thăm. Vị khách vận trang phục đơn sơ như một thư sinh, nhưng dáng vẻ, khí chất lại toát lên một sự cao quý và anh minh lạ thường. Dù chàng trai đã cố che giấu, tôi vẫn cảm nhận được một luồng chân khí của bậc đế vương tiềm ẩn bên trong. Đi cùng chàng chỉ có một người thị vệ, cũng ăn vận như thường dân và đứng đợi ở cổng chùa.

Vị khách trẻ chắp tay hành lễ một cách rất mực khiêm cung. Chàng nói rằng trên đường vi hành, thấy cảnh chùa thanh tịnh nên ghé vào thắp một nén hương và mong được thỉnh giáo Sư thầy đôi điều về Phật Pháp. Đó chính là Thái tử Trần Khâm, người sau này sẽ trở thành vị vua anh minh Trần Nhân Tông.

Tôi mời chàng trai vào thiền phòng, pha một ấm trà sen. Không khí tĩnh lặng, chỉ có tiếng gió khẽ lay động những tán lá bên ngoài. Cuộc trò chuyện của chúng tôi bắt đầu từ những câu hỏi của Thái tử về chữ "Tâm", về nỗi khổ của chúng sinh, về con đường tìm đến sự giác ngộ. Chàng trai tuy còn trẻ nhưng những câu hỏi đặt ra lại vô cùng sâu sắc, cho thấy một sự trăn trở lớn lao về vận mệnh của dân tộc, của con người.

Tôi nhận ra đây không phải là một người bình thường. Đây là một vị Bồ Tát tương lai đang ở trong thân xác của một bậc đế vương. Thấy được căn cơ và tấm lòng nhân hậu của chàng, tôi đã không ngần ngại chia sẻ những gì mình lĩnh ngộ được.

Cuộc nói chuyện của chúng tôi kéo dài hàng giờ, tự nhiên chuyển từ đạo giải thoát của nhà Phật sang đạo trị quốc an dân của Nho gia. Thái tử hỏi: "Thưa Sư thầy, làm thế nào để trăm họ được ấm no, đất nước được thái bình, tránh được cảnh binh đao khói lửa?"

Tôi nhìn sâu vào mắt chàng trai và chậm rãi trả lời: "Muốn đất nước thái bình, gốc rễ phải từ lòng dân. Lòng dân có yên thì nước mới vững. Muốn lòng dân yên, người đứng đầu phải có một trái tim từ bi, biết thương dân như con, biết đặt lợi ích của trăm họ lên trên lợi ích của bản thân. Đó là 'Nhân'. Nhưng chỉ có lòng nhân thôi thì chưa đủ. Để bảo vệ được sự bình yên đó trước ngoại xâm, người đứng đầu còn phải có cả trí tuệ và sự quyết đoán. Đó là 'Trí' và 'Dũng'."

Thái tử Trần Khâm im lặng suy ngẫm, rồi lại hỏi: "Vậy cái 'Trí' và cái 'Dũng' trong việc cầm quân, bảo vệ xã tắc, theo Sư thầy, đâu là điều cốt lõi?"

Lúc này, tôi biết rằng nhân duyên đã đến. Tôi không nói về những chiến thuật cụ thể, mà chỉ điểm xuyết vài đạo lý lớn: "Binh pháp có muôn vàn diệu kế, nhưng tựu trung lại không ngoài ba điều. Một là biết mình biết người. Hai là được lòng quân sĩ, trên dưới một lòng. Ba là biết lấy yếu chống mạnh, lấy ít địch nhiều, dùng thời cơ và địa lợi để bù đắp cho sức người. Nhưng trên tất cả, cảnh giới cao nhất của người dụng binh không phải là đánh đâu thắng đó, mà là chiến thắng mà không cần phải đánh, là dùng uy đức để khuất phục đối phương, hoặc nếu phải dùng đến vũ lực, thì cũng là để chấm dứt chiến tranh một cách nhanh nhất, với sự tổn thất ít nhất cho cả hai bên. Đó mới là cái 'Dũng' của bậc nhân giả."

Mỗi lời tôi nói ra, Thái tử đều lắng nghe một cách chăm chú, ánh mắt sáng lên sự thấu hiểu. Chàng không hỏi thêm về những mưu kế cụ thể, nhưng tôi biết chàng đã nắm được cái tinh thần, cái đạo lý cốt lõi của việc cầm quân. Cuộc gặp gỡ hôm đó kết thúc khi hoàng hôn buông xuống. Thái tử Trần Khâm từ biệt tôi, ánh mắt đầy sự kính trọng và biết ơn. Chàng hứa sẽ còn quay lại để thỉnh giáo.

Khi bóng của vị Thái tử trẻ tuổi khuất sau rặng tre, tôi đứng lặng một mình trong sân chùa. Tôi cảm nhận được một mối nhân duyên lớn lao vừa được kết nối. Một nhà sư ẩn tu và một vị vua tương lai. Tôi mơ hồ cảm thấy rằng những kiến thức về binh pháp mà tôi tích lũy bao năm qua, có lẽ không phải để cho riêng mình. Có lẽ, chúng đang chờ đợi đúng người, đúng thời điểm, để được dùng vào một việc lớn lao hơn, một việc có thể góp phần bảo vệ sự bình yên cho hàng triệu sinh linh trên mảnh đất này.

Mối thù hận của Lý Cương năm xưa, dường như đang được số phận an bài để hóa giải theo một cách mà chính tôi khi đó cũng chưa thể nào tường tận.

**Quân Sư Vô Hình – Góp Sức Cho Giang Sơn**

Đúng như lời hứa, sau lần gặp gỡ đầu tiên, Thái tử Trần Khâm, và sau này là Hoàng đế Trần Nhân Tông, vẫn thi thoảng tìm đến ngôi chùa nhỏ của tôi. Những chuyến viếng thăm của ngài luôn diễn ra trong bí mật, không kèn không trống, chỉ với một vài thị vệ thân tín. Ngài đến không phải với tư cách một bậc quân vương, mà với tâm thế của một người học đạo, tìm kiếm sự thanh tịnh và những lời chỉ dẫn.

Những buổi đàm đạo của chúng tôi thường xoay quanh Phật Pháp. Nhà vua trẻ mang những ưu tư thế sự, những gánh nặng của một người nắm trong tay vận mệnh quốc gia, đến để tìm sự giải tỏa trong những giáo lý về sự vô thường, về lòng từ bi và con đường giải thoát. Tôi có thể thấy rõ, ẩn sau long bào của một vị hoàng đế là một tâm hồn hướng về cửa Phật một cách mạnh mẽ. Mỗi lần trò chuyện, tôi không chỉ giảng giải kinh văn, mà còn cố gắng gieo vào lòng ngài những hạt mầm của sự giác ngộ, của một con đường xuất thế cao cả hơn.

Khi nguy cơ từ đế quốc Nguyên Mông ngày càng lớn, những cuộc trò chuyện của chúng tôi bắt đầu có thêm những nội dung về quốc sách. Nhà vua không hỏi tôi về việc nên đánh trận nào, nên đặt bẫy ở đâu. Thay vào đó, ngài hỏi những câu hỏi lớn hơn.

Một lần, ngài hỏi với vẻ mặt đầy ưu tư, "Thưa Sư thầy, giặc mạnh như hổ báo, quân ta ít hơn, làm thế nào để giữ được xã tắc?"

Tôi không đáp ngay, chỉ rót cho ngài một chén trà. Đợi cho hương trà lan tỏa, tôi mới chậm rãi nói: "Tâu Bệ hạ, thành trì vững chắc nhất không phải được xây bằng đất đá, mà được xây bằng lòng dân. Giặc có thể phá được thành, nhưng không thể phá được ý chí của trăm họ. Xin Bệ hạ hãy khoan thư sức dân, để người dân thấy được triều đình thực sự lo cho họ, yêu thương họ. Khi trăm họ coi việc nước là việc nhà, thì mỗi người dân sẽ là một người lính, mỗi ngôi làng sẽ là một pháo đài. Bấy giờ, sức mạnh của nước ta sẽ như nước triều dâng, không kẻ thù nào ngăn nổi."

Lần khác, khi nhà vua băn khoăn về việc dùng người, giữa những phe phái và những hiềm khích trong hoàng tộc, tôi lại nói: "Bể lớn mới chứa được thuyền to. Tấm lòng của bậc đế vương phải như biển cả, có thể dung nạp trăm sông. Người tài ở đời không thiếu, nhưng họ có chịu ra giúp nước hay không là ở tấm lòng của người đứng đầu. Xin Bệ hạ hãy gạt bỏ những hiềm khích nhỏ nhặt, chỉ nhìn vào tài năng và lòng trung nghĩa của họ mà trọng dụng. Đặc biệt, với những người nắm giữ binh quyền, Bệ hạ phải hoàn toàn tin tưởng, giao phó trọng trách, không nên nghi kỵ. Khi vị tướng soái ra trận mà không phải lo lắng chuyện hậu phương, họ mới có thể dốc toàn tâm toàn lực để chống giặc."

Tôi biết rằng trong triều có Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, một vị tướng tài kiệt xuất nhưng lại có những mối bất hòa ngầm với hoàng tộc. Những lời tôi nói ra, dù không chỉ đích danh, nhưng tôi tin rằng một vị vua anh minh như Trần Nhân Tông sẽ hiểu được. Và quả thật, sau này, việc nhà vua hoàn toàn tin tưởng, trao toàn quyền chỉ huy quân đội cho Hưng Đạo Vương chính là một trong những quyết định sáng suốt nhất, là chìa khóa dẫn đến những chiến thắng vĩ đại.

Tôi chưa bao giờ tự coi mình là một quân sư. Tôi chỉ là một nhà sư, dựa trên những gì mình đọc và chiêm nghiệm, để đưa ra những lời khuyên về đạo lý lớn. Tôi không bàn về "thuật", mà chỉ nói về "đạo". Tôi không vạch ra một kế sách cụ thể, nhưng tôi đã cố gắng gợi mở cho nhà vua về một chiến lược tổng thể: phải chuẩn bị kháng chiến lâu dài, phải dựa vào sức mạnh toàn dân, và phải thực hiện kế sách "vườn không nhà trống" để làm kiệt quệ sinh lực của đạo quân xâm lược vốn không quen thủy thổ.

Những lần nhà vua đến rồi lại đi, tôi lại trở về với cuộc sống thanh tịnh của mình, ngày ngày tụng kinh, tọa thiền. Tôi không hỏi về tình hình chiến sự, cũng không mong cầu được ghi công. Vai trò của tôi chỉ là một người lắng nghe, một người gợi mở, một điểm tựa tinh thần thầm lặng cho vị vua trẻ trong những thời khắc khó khăn nhất của dân tộc. Đóng góp nhỏ bé của tôi, nếu có, cũng chỉ như một giọt nước hòa vào biển cả lòng yêu nước và ý chí quật cường của toàn thể quân dân nhà Trần.

Nhiều năm sau, sau khi đã lãnh đạo nhân dân hai lần đánh tan quân Nguyên Mông, xây dựng một quốc gia thái bình, thịnh trị, Vua Trần Nhân Tông một lần nữa tìm đến tôi. Lần này, ngài đến không phải để hỏi về việc nước, mà để bày tỏ một quyết tâm đã chín muồi.

Khi đó, nhà vua vẫn còn rất trẻ, mới bước vào tuổi ba mươi lăm, nhưng ánh mắt ngài không còn những ưu tư của việc đời, mà ánh lên một sự thanh thản và một khát vọng lớn lao. Ngài nói với tôi rằng, ngài đã hoàn thành trách nhiệm với non sông, với tổ tiên, và giờ là lúc ngài muốn đi trên con đường của riêng mình – con đường xuất gia tu hành. Ngài ngỏ ý muốn tôi nhận ngài làm đệ tử, dẫn dắt trên con đường giải thoát.

Tôi vô cùng cảm phục trước đại nguyện của nhà vua. Một người đang ở trên đỉnh cao danh vọng lại có thể từ bỏ tất cả để tìm cầu chân lý, đó là một điều vô cùng hiếm có. Tuy nhiên, tôi đã khiêm cung từ chối. Tôi nói rằng đạo hạnh của mình còn nông cạn, không dám làm thầy của một bậc đế vương có căn duyên sâu dày với Phật Pháp như ngài.

Thấy chí nguyện của nhà vua đã kiên định, tôi bèn thành tâm chia sẻ một vài suy nghĩ của mình:

"Tâu Bệ hạ, Bệ hạ có đại nguyện xuất trần, thật là phúc lớn. Sang Trung Hoa để tìm về chốn tổ của Thiền Tông, hay hành hương đến đất Phật Thiên Trúc để học hỏi giáo pháp nguyên thủy, đều là những đại nguyện vô cùng cao quý."

Tôi ngừng lại một chút, rồi nói tiếp với giọng trầm ấm:

"Tuy nhiên, bần tăng thiển nghĩ, tu hành vạn pháp, cốt lõi cũng chỉ quay về một chữ 'Tâm'. Thân ở nơi đâu không quan trọng bằng tâm của mình hướng về đâu. Đất Phật không chỉ ở Thiên Trúc xa xôi, mà còn ở ngay trong tâm của mỗi người. Cổ nhân có câu, 'trên đầu ba thước có Thần linh', chỉ cần chúng ta thành tâm tu sửa, giữ gìn giới luật, thì dù ở bất cứ đâu, chư Phật, chư Bồ Tát cũng đều thấu tỏ và gia trì."

"Đó cũng chính là con đường mà bần tăng đã tâm niệm và nương theo suốt bao năm ẩn tu tại chốn này. Bần tăng tin rằng, Bệ hạ có thể đến non thiêng Yên Tử của nước Nam, hoặc đến bất kỳ nơi nào khác trên thế gian này. Nơi nào khiến tâm Bệ hạ an định, nơi nào giúp Bệ hạ có thể tinh tấn tu hành, thì nơi đó chính là đạo trường của Bệ hạ. Con đường nào, xin Bệ hạ hãy để tùy duyên."

Vua Trần Nhân Tông im lặng một lúc lâu, ánh mắt ngài sáng lên một sự thấu hiểu sâu sắc. Ngài chắp tay cảm tạ tôi, không nói gì thêm, nhưng tôi biết ngài đã có câu trả lời cho riêng mình.

Không lâu sau đó, ngài nhường ngôi cho Thái tử, trở thành Thái Thượng Hoàng. Và vài năm sau, khi việc triều chính đã ổn định, ngài đã thực sự lên núi Yên Tử, bắt đầu một hành trình tu luyện vĩ đại, khai sáng nên Thiền phái Trúc Lâm, trở thành một trong những hình ảnh đẹp nhất, một biểu tượng vĩnh cửu của Phật giáo Việt Nam.

Đối với tôi, việc được chứng kiến và góp một phần rất nhỏ vào hành trình của một vị vua – Phật như vậy đã là một phúc duyên lớn lao. Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng, những lời khuyên của một nhà sư ẩn tu lại có thể góp phần vào việc bảo vệ giang sơn, và sau đó lại đưa đường chỉ lối cho một vị vua tìm về với cõi Phật. Mọi thứ dường như đều là sự an bài của định mệnh.

**Đắc Đạo và Minh Ngộ Nhân Duyên**

Sau khi Vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử, cuộc sống của tôi lại trở về với sự tĩnh lặng vốn có. Những buổi đàm đạo về quốc gia đại sự không còn nữa, thay vào đó là những ngày tháng dài chuyên tâm vào việc tu tập. Trải qua bao thăng trầm của thời cuộc, chứng kiến những biến cố lớn lao, tâm tôi càng trở nên lắng đọng. Tôi không còn bị những kiến thức về binh pháp hay thế sự làm dao động, mà dùng chính sự thấu hiểu đó để quán chiếu sâu hơn về bản chất của khổ đau, của sinh tử và của vòng luân hồi.

Tôi tiếp tục con đường tu hành của mình một cách thầm lặng. Ngày ngày, tôi vẫn tụng kinh, tọa thiền, lao tác. Tôi không cầu thần thông, không mong khai mở những khả năng đặc dị. Mục tiêu duy nhất của tôi là gột rửa hoàn toàn những bụi bặm còn sót lại trong tâm thức, để đạt đến một sự trong sáng và tĩnh tại tuyệt đối.

Thời gian trôi đi, mái tóc tôi đã bạc trắng như sương. Khi đã gần bảy mươi tuổi, tôi cảm thấy đạo hạnh của mình đã đạt đến một tầng thứ mới. Thân thể dù đã già yếu nhưng tinh thần lại vô cùng minh mẫn.

Trong một đêm khuya tĩnh mịch, khi tôi đang nhập định sâu, thiên mục đột nhiên khai mở.

Trong khoảnh khắc đó, tôi nhìn thấu suốt tiền kiếp: Lời thề báo thù của người chiến binh Lý Cương năm xưa chính là nhân duyên để Thiền sư Minh Tĩnh có cơ hội dùng trí tuệ giúp một dân tộc chống lại kẻ thù chung. Món nợ thù hận không được trả bằng gươm đao, mà đã được thiện giải bằng con đường của trí tuệ và lòng từ bi. Tất cả oan trái, nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đều tan biến như sương khói, tâm tôi hoàn toàn rỗng lặng, an nhiên, tự tại.

Những năm tháng cuối đời, tôi sống trong sự thanh thản tuyệt đối. Một buổi sáng, sau khi tụng xong thời kinh cuối cùng, tôi gọi các đệ tử lại, dặn dò vài lời, rồi ngồi vào tư thế kiết già và an nhiên viên tịch.

Lời thề của Lý Cương đã được hoàn thành. Mối duyên với nhà Trần đã kết thúc. Và hành trình của Thiền sư Minh Tĩnh cũng đã đến lúc khép lại, để bắt đầu một cuộc hành trình mới trong vòng luân hồi.